

Chủ biên: TS. LÊ XUÂN BÁ

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

THE IMPACTS OF FOREIGN DIRECT
INVESTMENT ON THE ECONOMIC
GROWTH IN VIETNAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC KỸ THUẬT



Chủ biên: TS. Lê Xuân Bá

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

Nhóm tác giả:

TS. Nguyễn Thị Tuệ Anh

ThS. Vũ Xuân Nguyệt Hồng

ThS. Trần Toàn Thắng

TS. Nguyễn Mạnh Hải



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
HÀ NỘI - 2006

Lời cảm ơn

Cuốn sách được biên soạn dựa trên kết quả nghiên cứu về “Tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam” của tập thể tác giả thuộc Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM) thực hiện trong khuôn khổ của Dự án CIEM-SIDA về “Nâng cao năng lực nghiên cứu chính sách để thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam thời kỳ 2001-2010”.

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Cơ quan hợp tác phát triển Thụy điển (SIDA) đã tài trợ cho nghiên cứu và xuất bản cuốn sách này, cảm ơn sự hợp tác của Cục Đầu tư Nước ngoài, Cục Phát triển Doanh nghiệp – Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc tiến hành điều tra doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phục vụ cho nghiên cứu.

Đồng thời, tập thể tác giả cũng xin bày tỏ lời cảm ơn đến: TS. Nguyễn Anh Tuấn, ThS.Lê Hải Vân (Cục Đầu tư Nước ngoài -Bộ Kế hoạch và Đầu tư), GS.TSKH. Nguyễn Mại (Chuyên gia cao cấp -Văn phòng Chính phủ), TS.Lê Đăng Doanh (Chuyên gia cao cấp - Bộ Kế hoạch và Đầu tư), TS.Võ Trí Thành (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế TW), ThS.Nguyễn Võ Hưng (Viện Chiến lược và Chính sách khoa học công nghệ - Bộ Khoa học và Công nghệ), Ths.Nguyễn Thị Hạnh (Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam) về những bình luận xác đáng và thiết thực trong quá trình hoàn thiện nghiên cứu.

Chủ biên và hiệu đính chính cuốn sách này là TS. Lê Xuân Bá, Phó Viện Trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW; Trưởng nhóm nghiên cứu là TS.Nguyễn Thị Tuệ Anh; và Thư ký của nhóm nghiên cứu là ThS. Trần Toàn Thắng.

Hà Nội, tháng 3 năm 2006

Tập thể tác giả

MỤC LỤC

Giới thiệu	9
CHƯƠNG 1: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM TỪ 1988 ĐẾN NAY	13
I. ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM VÀ VAI TRÒ CỦA KHU VỰC CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ	13
1.1. Tổng quan diễn biến thu hút và thực hiện FDI tại Việt Nam giai đoạn 1988-2003	13
1.1.1 Các giai đoạn phát triển	13
1.1.2. Một số đặc điểm của FDI tại Việt Nam	16
1.2. Vai trò của khu vực FDI với nền kinh tế Việt Nam	19
1.2.1. FDI đối với vốn đầu tư xã hội và tăng trưởng kinh tế	20
1.2.2. FDI với việc nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp và xuất khẩu	21
1.2.3. FDI đối với việc làm và cải thiện nguồn nhân lực	22
1.2.4. FDI với nguồn thu ngân sách Nhà nước và các cân đối vĩ mô	23
II. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH THU HÚT FDI Ở VIỆT NAM	24
2.1. Khung khổ chính sách thu hút FDI	24
2.2. Chuyển biến về nhận thức và quan điểm của Việt Nam về vai trò của FDI	27
2.3. So sánh chính sách thu hút FDI hiện hành của Việt Nam với một số nước	29
2.4. Những cam kết quốc tế của Việt Nam về đầu tư nước ngoài	34
CHƯƠNG 2: KHUNG KHỔ PHÂN TÍCH	36
I. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ TÁC ĐỘNG CỦA FDI TỚI TĂNG TRƯỞNG	36
1.1. Các kênh tác động	36
1.2. Cơ sở lý thuyết về tác động của FDI tới tăng trưởng thông qua kênh đầu tư	37

1.3. Cơ sở lý thuyết đánh giá tác động tràn của FDI	42
1.3.1. Cơ chế sinh ra tác động tràn	42
1.3.2. Mô hình ước lượng	47
II. ĐIỀM QUA MỘT SỐ NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG VỀ TÁC ĐỘNG CỦA FDI TỚI TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ	52
CHƯƠNG 3: TÁC ĐỘNG CỦA FDI TỚI TĂNG TRƯỞNG QUA KÊNH ĐẦU TƯ	55
I. MÔ HÌNH ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	55
II. SỐ LIỆU	56
III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	57
CHƯƠNG 4: TÁC ĐỘNG TRÀN CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI	64
I. MỘT SỐ PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH	64
1.1. Thông tin chung về mẫu điều tra	64
1.2. Lao động, vốn đầu tư và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	65
1.3. Nhận dạng các biểu hiện của tác động tràn	69
II. ĐÁNH GIÁ ĐỊNH LƯỢNG TÁC ĐỘNG TRÀN	78
2.1. Số liệu	78
2.2. FDI và năng suất lao động của doanh nghiệp nói chung	81
2.2.1. Mô hình	81
2.2.2. Kết quả và đánh giá	84
2.3. Tác động tràn của FDI tới năng suất lao động của doanh nghiệp trong nước	90
2.3.1. Mô hình	90
2.3.2. Kết quả và đánh giá	94
2.3. Khả năng hấp thụ tác động tràn của doanh nghiệp trong nước	101
CHƯƠNG 5: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH	107
5.1. Một số kết luận	
5.2. Kiến nghị chính sách	

DANH MỤC ĐỒ THỊ

Đồ thị 1: Đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 1988-2003	14
Đồ thị 2: Luồng vốn FDI đổ vào Việt Nam và Trung Quốc so với luồng FDI vào khu vực Đông, Nam và Đông Nam Á	16
Đồ thị 3: Cơ cấu vốn FDI phân theo ngành	18
Đồ thị 4: FDI thực hiện so với tổng đầu tư toàn xã hội và so với GDP	20
Đồ thị 5: Tài khoản vốn và dòng FDI vào Việt Nam giai đoạn 1993-2002	23
Đồ thị 6: Doanh thu /lao động của doanh nghiệp	68

DANH MỤC CÁC BIỂU

Biểu 1: Những thay đổi chủ yếu trong chính sách thu hút FDI trong các thời kỳ sửa đổi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	25
Biểu 2: So sánh những chính sách thu hút FDI chủ yếu giữa Việt Nam và một số nước trong khu vực và chuyển đổi	30
Biểu 3: Kết quả ước lượng tác động của FDI tới tăng trưởng giai đoạn 1988-2003	59
Biểu 4: FDI với tổng đầu tư và năng suất của FDI	63
Biểu 5: Số lượng doanh nghiệp điều tra	65
Biểu 6: Quy mô lao động của doanh nghiệp	65
Biểu 7: Tỷ lệ vốn cố định/lao động của các doanh nghiệp	67
Biểu 8: Tỷ lệ lao động chuyển đi so với tổng số lao động trung bình trong 3 năm	70
Biểu 9: Nguồn tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong nước	71
Biểu 10: Tỷ lệ lao động có kỹ năng của các doanh nghiệp	73
Biểu 11: Tỷ lệ chi cho R&D so với doanh thu	74
Biểu 12: Nguồn cung cấp nguyên liệu của doanh nghiệp FDI	75
Biểu 13: Cơ cấu tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp FDI	76
Biểu 14: Đánh giá về sức ép cạnh tranh	77
Biểu 15: Thông tin cơ bản về FDI trong ngành công nghiệp chế biến	79

Biểu 16: Kết quả mô hình đánh giá tác động của FDI tới năng suất lao động của tất cả doanh nghiệp	86
Biểu 17: Kết quả đánh giá tác động của FDI tới NSLĐ của DN trong nước với biến <i>tytrong</i>	99
Biểu 18: Kết quả mô hình đánh giá tác động của FDI tới NSLĐ của doanh nghiệp trong nước với <i>tytrong1</i> và <i>tytrong2</i>	100
Biểu 19: Kết quả mô hình tác động tràn qua khả năng hấp thụ	107

DANH MỤC CÁC HỘP

Hộp 1: Tác động cạnh tranh của FDI tới doanh nghiệp trong nước	48
--	----

CÁC TỪ VIẾT TẮT

APEC	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CIEM	Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương
DN	Doanh nghiệp
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
EU	Liên minh Châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
JETRO	Tổ chức Ngoại thương của Nhật Bản
KCN	Khu công nghiệp
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
MFN	Chế độ tối huệ quốc
R&D	Nghiên cứu và triển khai
TCTK	Tổng cục Thống kê
UNCTAD	Hội nghị của Liên hợp quốc về thương mại và phát triển
UNDP	Tổ chức phát triển Liên hợp quốc
USD	Đô la Mỹ
WTO	Tổ chức thương mại thế giới
XNK	Xuất nhập khẩu

GIỚI THIỆU

Trong gần 20 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu khá thuyết phục về kinh tế và xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt trung bình 7,3% giai đoạn 1990-2004, GDP thực bình quân đầu người tăng trung bình 5,7% hàng năm và tỷ lệ nghèo giảm từ gần 80% năm 1986 xuống còn 24% vào năm 2004. Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam luôn được xếp vào nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời có thành tích giảm nghèo nhanh trên thế giới.

Thành tựu trên đây là dấu hiệu tốt của quá trình chuyển đổi kinh tế và là kết quả của các chính sách mà Việt Nam đã và đang thực hiện trước những thay đổi nhanh chóng của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là xu thế toàn cầu hóa. Ngay từ cuối thập kỷ 80, Việt Nam đã thực hiện chủ trương hội nhập kinh tế, bắt đầu bằng việc thông qua Luật Đầu tư Nước ngoài vào năm 1987, tiến hành ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương, gần đây nhất là Hiệp định thương mại Việt-Mỹ. Việt Nam đã trở thành thành viên của ASEAN từ năm 1995, của APEC từ năm 1998, tham gia Diễn đàn kinh tế Á-Âu (ASEM) vào năm 2001 và đang chuẩn bị để gia nhập WTO.

Bên cạnh mở cửa cho thương mại, cũng như nhiều quốc gia đang phát triển khác, Việt Nam đã và đang tích cực cải thiện môi trường đầu tư, trước hết là khung khổ pháp luật nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Việt Nam đã ký hiệp định song phương về khuyến khích và bảo hộ đầu tư với 45 nước và vùng lãnh thổ, trong đó phạm vi điều chỉnh của các hiệp định đều mở rộng hơn so với những quy định hiện hành của Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam. Các nỗ lực của Chính phủ Việt Nam đã đem lại những kết quả đáng khích lệ về thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Tính đến 20/12/2004, Việt Nam đã thu hút được 6.072 dự án với tổng vốn đăng ký đạt khoảng 49,2 tỷ USD. Đến nay, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài được công nhận là một bộ phận cấu thành của nền kinh tế với đóng góp vào GDP ngày càng tăng, ước đạt 14% vào năm 2004. Ngoài ra, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn tạo thêm việc làm, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu và chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nước và đóng góp cho Ngân sách Nhà nước.

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, nhiều ý kiến cho rằng Việt Nam vẫn chưa tận dụng tối ưu các cơ hội thu hút FDI và chưa tối đa được